

Bản án số: **03/2024/HS-ST**

Ngày: 05 - 02 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quan Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Tiến Hào.

2. Ông Nguyễn Duy Chung.

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Chung Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2024/TLST-HS, ngày 15 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HS, ngày 24/01/2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đoàn Văn T**; sinh ngày 07/01/2003 tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn C, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 3/12. Con ông Đoàn Công T1 (đã chết) và con bà Trần Thị C1, sinh năm 1961; vợ, con: Chưa có.

*** Nhân thân, Tiền án, Tiền sự:** Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/11/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. *Có mặt tại phiên tòa.*

*** Bị hại:** Bà Trần Thị H, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (*Vắng mặt có đơn xin vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đoàn Văn T, sinh năm 2003, trú tại thôn C, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang do không có việc làm ổn định trong khoảng thời gian từ ngày 21/3/2023 đến ngày

31/7/2023 đã liên tục thực hành vi Trộm cắp tài sản (tiền) của bà Trần Thị H, sinh năm 1969, trú tại thôn N, xã H, huyện Y, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 21/3/2023, T một mình điều khiển xe đạp nhãn hiệu ASAMA, màu sơn bạc từ nhà đi đến thôn N, xã H mục đích tìm nhà dân nào sơ hở đột nhập vào trộm cắp tài sản. Khoảng 01 giờ 30 phút khi đi đến nhà bà H thấy đèn điện đã tắt nên đi xung quanh tìm cách vào nhà, T lách người qua chỗ cổng rào thủng đi đến bếp nối liền sau nhà bà H, T dùng điện thoại di động bán phím nút bấm kiểu N, màn hình đen trắng bật đèn soi thấy cửa bếp được móc khóa bằng dây thép, T tìm xung quanh thấy một chiếc kim có chuôi nhựa màu xanh gần đó nên đã dùng kim bấm, cắt đứt dây thép đi vào trong bếp. Khi vào bếp, T thấy có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Lead, biển kiểm soát 22B1-781.58, T tìm thấy chìa khóa xe để trên mặt bàn gần đó nên đến cầm chìa khóa, mở cốp xe thấy bên trong có 01 chiếc túi tối màu, dùng tay mở túi ra thấy có nhiều tiền mệnh giá 500.000 đồng, T lấy hết cho vào túi quần đang mặc rồi đi về. Khi về đến thôn C, T bỏ số tiền vừa trộm cắp ra đếm được là 4.000.000 đồng. Sau đó, T mua 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S Plus của anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1986, trú tại thôn A, xã K, thành phố T với giá 2.000.000 đồng (*T2 không biết tiền T chi trả do trộm cắp mà có*). Số tiền còn lại T đã chi tiêu cá nhân hết.

- Lần 2: Khoảng 01 giờ 45 phút ngày 01/4/2023, T một mình điều khiển xe đạp nhãn hiệu Asama từ nhà theo hướng vào thôn Y, thôn N, xã H. Khi đến nhà bà H thấy đèn điện đã tắt, T lách người chui qua cổng rào thủng đi đến bếp thấy cửa được đóng nhưng không khóa, T bật đèn điện thoại đi vào rồi đi lên phòng khách theo cầu thang lên tầng hai, tiến đến khu vực bàn thờ thấy trên bàn thờ có đặt nhiều tiền trên đĩa thủy tinh có mệnh giá khác nhau nên đã lấy toàn bộ cho vào túi quần đang mặc rồi đi về nhà. Khi về đến nhà bỏ số tiền vừa trộm cắp ra đếm được là 2.000.000 đồng, T đã chi tiêu cá nhân hết.

- Lần 3: Khoảng 00 giờ 45 phút ngày 13/4/2023, T một mình điều khiển xe đạp nhãn hiệu Asama từ nhà theo hướng đến thôn Y rồi đi thôn N mục đích để trộm cắp tài sản. Khoảng 01 giờ 20 phút, khi đến nhà bà H thấy đèn điện đã tắt, T lách người qua cổng rào thủng đi đến bếp thấy cửa đóng nhưng không khóa, T bật đèn điện thoại chiếu sáng đi vào đến gần chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Lead, T đi lên phòng khách tìm thấy chìa khóa xe để trên mặt bàn uống nước, T lấy chìa khóa mở cốp xe thấy bên trong có 01 chiếc túi tối màu mở túi ra xem thấy có nhiều tiền mệnh giá khác nhau nên đã lấy trộm toàn bộ cho vào túi quần đang mặc. Khi về đến nhà bỏ số tiền vừa trộm cắp ra đếm được là 1.300.000 đồng, T đã chi tiêu cá nhân hết.

- Lần 4: Khoảng 01 giờ ngày 21/4/2023, T một mình điều khiển xe đạp Asama đến nhà bà H, khi đến bếp thấy cửa không khóa chỉ khép hờ nên đi vào, bật đèn điện thoại soi đi đến gần chiếc xe mô tô của bà H, tìm xung quanh thấy chìa khóa xe để trên mặt bàn trong bếp nên đã lấy chìa khóa mở cốp xe thấy bên trong có 01 chiếc túi tối màu, T mở ra thấy có nhiều tiền mệnh giá khác nhau nên

đã lấy trộm toàn bộ cho vào túi quần đang mặc. Khi về đến nhà bỏ số tiền vừa trộm cắp ra đếm được là 350.000 đồng, T đã chi tiêu cá nhân hết.

- Lần 5: Khoảng 01 giờ 35 phút ngày 18/6/2023, T điều khiển xe đạp đến nhà bà H. Khi đến nơi, T đi đến bếp thấy cửa được chốt bằng thanh tre, T dùng tay đẩy và mở được cửa rồi bật đèn điện thoại soi đi đến gần chiếc xe mô tô, tìm thấy chìa khóa xe để ở khay đựng cốc chén, T đến lấy chìa khóa mở cốp xe nhưng không thấy có tài sản nên đã đi lên phòng khách tầng một rồi theo cầu thang lên tầng hai, tiến đến khu vực bàn thờ thấy trên bàn thờ có đặt nhiều tiền có mệnh giá khác nhau trên đĩa thủy tinh nên đã trộm cắp toàn bộ cho vào túi quần đang mặc. Khi về đến nhà bỏ số tiền vừa trộm cắp ra đếm được là 2.000.000 đồng, T đã chi tiêu cá nhân hết.

- Lần 6: Khoảng 00 giờ 40 phút ngày 23/7/2023, T điều khiển xe đạp đến nhà bà H. Khi đến bếp nhà bà H thấy cửa khoá nên đã đi đến gần chuồng lợn lấy một chiếc kim rồi đi đến một nhà xây giáp nhà bà H rồi trèo lên nóc nhà đó đu người trèo sang mái hiên tầng hai nhà bà H. T dùng kim cạy then cửa đột nhập vào nhà bà H. Khi đi đến khu vực bàn thờ thấy trên bàn thờ có đặt nhiều tiền có mệnh giá khác nhau nên đã trộm cắp toàn bộ cho vào túi quần đang mặc. Khi về đến nhà bỏ số tiền vừa trộm cắp ra đếm được là 1.500.000 đồng, T đã chi tiêu cá nhân hết.

- Lần 7: Khoảng 01 giờ 40 phút ngày 31/7/2023, T điều khiển xe đạp đến nhà bà H để trộm cắp tài sản. Khi đến nơi thấy cửa bếp đóng nhưng không khoá nên đã mở cửa đi vào, bật đèn điện thoại soi đi đến gần chiếc xe mô tô, thấy chìa vẫn cắm ở ổ khóa điện nên đã mở cốp xe nhưng không thấy tiền nên đã đi lên tầng hai, đến gần bàn thờ thấy trên đĩa thủy tinh có 200.000 đồng (01 tờ mệnh giá 100.000đ, 02 tờ mệnh giá 50.000đ) nên đã lấy trộm cho vào túi quần đang mặc rồi đi về nhà và đã chi tiêu cá nhân hết. Sau đó, T đã bán chiếc xe đạp nhãn hiệu Asama và chiếc điện thoại nút bấm kiểu N, màn hình đen trắng cho một người phụ nữ (*không biết tên, tuổi, địa chỉ*) mua phế liệu.

* **Vật chứng thu giữ:** Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus của Đoàn Văn T. Đối với chiếc xe đạp nhãn hiệu Asama và chiếc điện thoại nút bấm kiểu N, màn hình đen trắng mà T đã bán, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

* **Về trách nhiệm dân sự:** Quá trình điều tra, bà Trần Thị H yêu cầu Đoàn Văn T bồi thường số tiền 11.350.000 đồng nhưng Đoàn Văn T chưa bồi thường. Trên cơ sở kết luận điều tra, ngày 15 tháng 01 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn ban hành Cáo trạng số 08/CT- VKSYS, truy tố bị cáo Đoàn Văn T về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, tuyên bố: Bị cáo Đoàn Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn Văn T từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 02/11/2023).

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bà Trần Thị H yêu cầu bị cáo Đoàn Văn T bồi thường số tiền 11.350.000 đồng, bị cáo chưa bồi thường nên đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải bồi thường cho bà H số tiền trên.

Về vật chứng: Đề nghị HĐXX tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S plus đã thu giữ của Đoàn Văn T.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Bị cáo không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, nói lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử cho được hưởng mức án nhẹ nhất.

Bị hại bà Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa. Tại đơn xin xét xử vắng mặt bà H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị cáo đã trộm cắp là 11.350.000đ (*Mười một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*). Về trách nhiệm hình sự đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đoàn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Qua đó đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 21/3/2023 đến ngày 31/7/2023, tại nhà ở của bà Trần Thị H, trú tại thôn N, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang Đoàn Văn T đã nhiều lần có hành vi lợi dụng đêm tối, lén lút đột nhập vào nhà trộm cắp của gia đình bà Trần Thị H tổng số tiền Việt Nam đồng là 11.350.000 đồng. Cụ thể các lần trộm cắp như sau:

Lần thứ 1: Trộm cắp được số tiền 4.000.000 đồng.

Lần thứ 2: Trộm cắp được số tiền 2.000.000 đồng.

Lần thứ 3: Trộm cắp được số tiền 1.300.000 đồng.

Lần thứ 4: Trộm cắp được số tiền 350.000 đồng.

Lần thứ 5: Trộm cắp được số tiền 2.000.000 đồng.

Lần thứ 6: Trộm cắp được số tiền 1.500.000 đồng.

Lần thứ 7: Trộm được cắp số tiền 200.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là: 11.350.000 đồng (*Mười một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

[2] Xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX nhận định: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích trộm cắp để lấy tiền chi tiêu cá nhân.

HĐXX xét thấy mặc dù bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên số tiền bị cáo trộm cắp là 11.350.000 đồng (*Mười một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*). Do đó cần xử phạt bị cáo mức án trên mức khởi điểm và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung tại địa phương.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX nhận định:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (tiền) của bị hại đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bà Trần Thị H yêu cầu bị cáo Đoàn Văn T bồi thường số tiền bị cáo đã trộm cắp là 11.350.000 đồng, bị cáo chưa bồi thường. Do đó cần buộc bị cáo bồi thường cho bà H số tiền trên.

[6] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus của Đoàn Văn T. Đây là chiếc điện thoại do T dùng tiền trộm cắp để mua do đó cần tịch thu sung quỹ nhà nước là phù hợp.

Đối với chiếc xe đạp nhãn hiệu Asama và chiếc điện thoại nút bấm kiểu N, màn hình đen trắng mà T đã bán, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các Điều tra viên, Kiểm sát viên và những người tiến hành tố tụng

khác đã thực hiện đúng các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng theo quy định của pháp luật.

[10] Các vấn đề khác:

Đối với anh Nguyễn Văn T2, đã bán cho Đoàn Văn T 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S Plus nhưng không biết tiền do T chi trả do trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý trong vụ án.

Đối với người phụ nữ mua chiếc xe đạp nhãn hiệu Asama, chiếc điện thoại nút bấm, màn hình đen trắng nhưng không biết T dùng làm công cụ phạm tội, Cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp điều tra, xác minh nhưng không xác định được danh tính, địa chỉ nên không xem xét xử lý trong vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Về tội danh:** Căn cứ khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Đoàn Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

*** Về hình phạt:** Căn cứ khoản 1, Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn Văn T **01 (một) năm 02 (hai) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 02/11/2023.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 468 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Đoàn Văn T phải bồi thường cho bà Trần Thị H số tiền 11.350.000 đồng (*Mười một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

Khoản tiền phải bồi thường kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo chậm trả thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

*** Về vật chứng:** Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ nhà nước:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S plus, màu xám, tình trạng đã qua sử dụng.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y ngày 19/01/2024.

*** Về án phí:** Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên: Buộc bị cáo Đoàn Văn T phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 567.500đ (*Năm trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự có giá ngạch. Tổng cộng bị cáo phải nộp 767.500đ (*Bảy trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) án phí.

*** Về quyền kháng cáo:** Căn cứ vào các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 05/02/2024). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Thi hành án hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quan Thị Thu Trang

